TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ C MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/02/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ C MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ C Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2952/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1986.

Thường trú: Tổ dân phố 1, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh HT.

Địa chỉ: Nhà B Chung cư E1, tổ dân phố P, khu phố H, phường B, thành phố TĐ, Thành phố H. (có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị HV, sinh năm 1989

Thường trú: Khối 8, thị trấn Tân kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Nhà B Chung cư E1, tổ dân phố P, khu phố H, phường B, thành phố TĐ, Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Quốc C trình bày: Ông và bà Phạm Thị HV tự nguyện kết hôn vào năm 2016 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên

cãi vã, bà V nghiện các trò chơi trên mạng, gây nợ nần, hết lần này đến lần khác, vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện, cho cơ hội nhưng bà V vẫn không thay đổi, hiện nay vẫn tiếp tục nợ nần. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên ông bà đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà V.

Về con chung: Có 02 người con chung Trần HK, sinh ngày 10/4/2017 và Trần Phạm HA, sinh ngày 22/6/2019. Sau khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải bà Phạm Thị HV trình bày: Bà xác nhận thời gian kết hôn đúng như ông C trình bày. Theo bà cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà gây nợ nần, làm mất lòng tin ở chồng từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Tuy nhiên, bà đã nhận thấy thiếu sót của mình, mong ông C cho cơ hội để bà làm lại từ đầu, bà xác định vẫn còn thương chồng thương con, không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 02 người con chung Trần HK, sinh ngày 10/4/2017 và Trần Phạm HA, sinh ngày 22/6/2019. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi 02 người con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Trần Quốc C giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu ly hôn, nuôi hai người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Phạm Thị HV không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm. Bà mong ông C cho cơ hội, thời gian này bà đồng ý ly thân và bà sẽ nuôi hai con để các con có tình thương của cha và mẹ. Nếu ly hôn bà đồng ý giao 02 người con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng trong 03 năm đầu, để bà ổn định cuộc sống, công việc và kinh tế, sau đó thì bà sẽ nuôi 02 người con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ C Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ C Minh.

[2] Về nội dung: Ông Trần Quốc C và bà Phạm Thị HV tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2011 ngày 21/3/2011 do Ủy ban nhân dân phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại tòa, cả ông C và bà V thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện đã ly thân, ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V gây nợ nần, đã cho cơ hội nhưng không sửa đổi, bà V cũng thừa nhận mâu thuẫn như ông C trình bày là đúng, tuy nhiên bà đã nhận ra sai sót và thời gian này mong ông C cho cơ hội hoặc chỉ ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn, chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng dẫn đến vợ chồng ly thân. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 9/2022 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc, ông C cương quyết không đoàn tụ với bà V vì tình cảm không còn, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của ông C về việc xin ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông Trần Quốc C và bà Phạm Thị HV xác định có 02 người con chung Trần HK, sinh ngày 10/4/2017 và Trần Phạm HA, sinh ngày 22/6/2019. Ông C và bà V đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù cả hai đều có nguyện vọng nuôi con nhưng việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Xét ông C có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc các con, mặt khác bà V cũng thừa nhận hiện đang còn nợ nần, kinh tế không ổn định và bà đồng ý giao 02 người con chung cho ông C trực tiếp nuôi trong 03 năm đầu. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần HK, sinh ngày 10/4/2017 và Trần Phạm HA, sinh ngày 22/6/2019 của ông C là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Ông C phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc C được ly hôn bà Phạm Thị HV.

1.2 Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần HK, sinh ngày 10/4/2017 và Trần Phạm HA, sinh ngày 22/6/2019.

Giao 02 người con chung tên Trần HK, sinh ngày 10/4/2017 và Trần Phạm HA, sinh ngày 22/6/2019 cho ông Trần Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006960 ngày 21/11/2022. Ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.